TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HN- ST
Ngày 01/3/2023
V/v: "Xin ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Văn Nam.

Bà Mai Thị Nhặc.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Thắm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày **01** tháng **3** năm **2023** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2023/TLST-HN ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc "*xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36B/2023/QĐXXST-HN ngày 13/02/2023 giữa:

**** Nguyên đơn:*** Cao Văn T, sinh 1979 (có mặt)

Trú tại: Ấp An Q, xã Đa Phước H, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

**** Bị đơn*:** Lê Tiết L, sinh 1985 (có mặt)

Trú tại: Ấp An Q, xã Đa Phước H, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn anh T trình bày:

Vào năm 2003 tôi và L đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, chúng tôi sống ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Nay tôi xin ly hôn với L.

Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung, hiện tại các con đã trên 18 tuổi, đã tự lao động tạo thu nhập, nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Tôi tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết

Nợ chung: Không có.

Tại phiên toà bị đơn chị L trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện thành hôn, con chung, tài sản, nợ nần như chồng tôi trình bày là đúng, nguyên nhân mất hạnh phúc thừa nhận vợ chồng có những bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng không lớn, nay tôi còn thương chồng, thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Tôi tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Anh T cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó anh khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì anh T có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của anh T là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Anh T, chị L kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc, lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, sống ly thân từ tháng 7/2022 đến nay bỏ mặt nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết anh T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn chị L muốn trở về đoàn tụ với anh T nhưng chị L không đưa ra được phương án để vợ chồng có thể hàn gắn, do đó nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp.

[2] Về con chung: Các con đã trưởng thành, cả anh T và chị L không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[3] Tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Nợ chung: Không có nên không xem xét.

[5] anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Cao Văn T. Anh Cao Văn T được ly hôn với chị Lê Tiết L.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, cả anh T và chị L không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh T chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001142 ngày 31/01/2023 là đủ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- UBND xã Đa Phước Hội (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký